

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 02-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ta.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Thức, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà T; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt, tạm giam ngày 04/12/2017; có mặt.

- Bị hại: Anh Võ Văn X, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Phạm Thị H, Dương Thanh H1, Đỗ Thị B, Nguyễn Văn L1, Trần Thị K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 13/8/2017, Nguyễn Tuấn A từ thị xã H qua xã Long Khánh B, huyện H tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, khi đi đến ấp Long Bình, xã Long Khánh B, Tuấn A phát hiện xe mô tô của ông Dương Thanh H1 dựng trên đường nên đến mở cốp xe lấy 01 điện thoại Oppo màu đen tím. Ông H1 phát hiện, đuổi theo giật lại điện thoại nhưng không bắt giữ hành vi trộm tài sản của Tuấn A.

Sau đó, Tuấn A đi đến nhà bà Đỗ Thị B, phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 66K4-6774 màu nâu, nhãn hiệu MAJESTY của anh Võ Văn X, dựng trong sân nhà, không người trông coi, chìa khóa vẫn còn trên xe. Tuấn A vào lấy trộm xe điều khiển chạy ra, tới cổng rào nhà bà B thì ông H1 phát hiện truy hô. Lúc này vợ chồng anh X cùng bà B chạy ra chặn xe lại. Tuấn A bỏ xe chạy bộ về hướng Chợ Miếu. Ông H1 đuổi theo và báo Công an xã. Khi Tuấn A đến trạm y tế xã Long Khánh B thì bị Công an xã mời về làm việc.

Vật chứng thu giữ: Một xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, màu nâu, biển kiểm soát 66K4-6774. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại xe cho bị hại X. Anh X không yêu cầu Tuấn A bồi thường thiệt hại về phân dân sự.

Biên bản và kết luận định giá tài sản số 07 ngày 18/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 01 xe mô tô vừa nêu, giá trị còn lại là 3.500.000đ.

Biên bản và kết luận định giá tài sản số 08 ngày 14/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen-tím, hai sim đã qua sử dụng. Cung cấp tài liệu không đủ cơ sở xác định giá.

Tại Cáo trạng truy tố số 01/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây viết tắt là BLHS 1999), xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Vật chứng đã xử lý xong. Về dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo Tuấn A thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn A khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản là xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, màu nâu, biển kiểm soát 66K4-6774, trị giá 3.500.000đ của anh X. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Tuấn A

phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Đối với điện thoại của ông H1 bị trộm, đã lấy lại được, nhưng ông H1 không giao cho Cơ quan Công an làm vật chứng và cũng không tiến hành định giá được, nên không có đủ căn cứ định lượng để xem xét hành vi này của bị cáo.

[2] Khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Tuấn A là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy giá trị tài sản không lớn, nhưng đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; là thành phần nhân dân lao động làm thuê, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, áp dụng điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đã xử lý xong nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 135 và

khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 04 tháng 12 năm 2017.
3. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú